TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 207/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 07-6-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi
2. Ông Võ Thái Quân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT: Ông Lê Hữu Đức – kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Thúy D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: tổ 5, ấp HP, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Anh Châu Thành V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: tổ 2, ấp BT2, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị D có đơn xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Thúy D trình bày: Qua mai mối và được sự đồng ý cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới cho anh chị vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01, ngày 09/02/2004. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống bên gia đình chị, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, lý do không hiểu nhau, thường xuyên cãi vả nhau, bất đồng quan điểm sống, đến giữa năm 2014, anh V bỏ đi, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ

chồng không còn, không thể hàn gắn.

Nay, chị D yêu cầu ly hôn với anh Châu Thành V.

Về con chung: có một con chung tên Châu Thị Như N, sinh ngày 19/8/2004, hiện đang sống với chị, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có ý kiến nào khác.

Anh Châu Thành V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Nên Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được để lưu hồ sơ.

Tại phiên tòa, chị D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt với nội dung như đã khởi kiện, anh Châu Thành V vẫn vắng mặt, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh V, chị D có đăng ký kết hôn. Trong thời gian anh chị sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ giữa năm 2014 cho đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được hạnh phúc gia đình, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung: Châu Thị Như N, sinh ngày 19/8/2004, hiện đang sống với chị, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và lý lẽ của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Thúy D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Châu Thành V nên quan hệ pháp luật của vụ án "Tranh chấp hôn nhân gia đình - ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Châu Thành V với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại tổ 2, ấp BT2, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét vắng mặt đối với anh V

[2] Về hôn nhân: Anh V, chị D có tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01, ngày 09/02/2004 theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ vợ chồng của anh chị được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, chị D nhận thấy không còn tình cảm với anh V, cuộc sống chung không thể hàn gắn được vì ly thân trên 3 năm mà anh chị không liên hệ, không có ý định hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận định: cuộc sống chung của anh V, chị D không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh V là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh V.

[3] Về con chung: tên Châu Thị Như N, sinh ngày 19/8/2004, hiện đang sống với chị, anh V không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được. Tuy nhiên, chị D phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh V đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con; cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị D không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình, anh V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3; Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Phạm Thị Thúy D đối với anh Châu Thành V.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị Thúy D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Châu Thị Như N, sinh ngày 19/8/2004 đến thành niên hoặc tự lập được, chị D phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh V đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con. Anh V lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V. Anh V được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cặp giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016584 ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT. Anh Châu Thành V không phải chịu án phí.

[5] Chị D, anh V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi Nhận* :**
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THA huyện PT;
- Các đương sư;
- Lưu TA;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Chí Keo